

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 08/9/2020

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bồng

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bắc - là thư ký Tòa án TP. B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/6/2020 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX - ST ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số nhà 11/120A Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 1516 thôn 4, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh T chị T và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng hơn 01 năm. Sau khi về sống chung với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình đôi bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, tài sản trong nhà anh T đem đi bán hết để lấy tiền tiêu xài, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Trong thời gian sinh đẻ và nuôi con nhỏ chị T phải về ở với mẹ đẻ ở Đồng Nai. Còn anh T thì sống với cha, mẹ mình ở thành phố B, Lâm Đồng và không có trách nhiệm gì đối với vợ con. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4

năm 2020 cho đến nay, mạnh ai người đó sống không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay cháu P đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung. Chị T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn và chung sống với nhau như chị T trình bày trên là đúng. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên anh T cho rằng mình vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/9/2018. Do không đồng ý ly hôn nên anh T không đề cập đến việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang T chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nay chị T xin ly hôn mà anh T hiện đang cư trú tại xã Đ, TP.B. Do đó quan hệ tranh chấp là “ ly hôn ” được quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nay chị T xin ly hôn mà anh T đang cư trú tại xã Đ, TP B, xác định quan hệ tranh chấp là “ ly hôn ”. Xét thấy nội dung vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con này phù hợp với các quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó căn cứ luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của hội đồng xét xử; xác định mối quan hệ tranh chấp đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Quang T. Đề nghị giao 01 con chung tên là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/9/2018 cho chị T nuôi. Chị T có khả năng nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Từ những tài liệu và chứng cứ nêu trên, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử Kết luận:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2017 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, thiếu tình thương và trách nhiệm với nhau, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh T thì ở thành phố B, Lâm Đồng còn chị T và con thì ở thành phố B, Đồng Nai, mạnh ai người đó sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tuy anh T cho rằng tình cảm của mình với chị T vẫn còn không muốn ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời đề hòa giải nhiều lần nhưng anh T không tới mà xin vắng mặt, do đó không hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Hiện tại hai người không sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể khắc phục được. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T là không còn, nếu có duy trì thì cuộc hôn nhân này cũng không đạt được kết quả hạnh phúc.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan hệ tình cảm giữa chị T và anh T là không còn và rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được kết quả hạnh phúc. Do đó căn cứ Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn với anh T là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh T vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay cháu P đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu xin được nuôi con. Anh T không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về con cái. Kể từ khi sinh con năm 2018 chị T nuôi con một mình cho đến nay, anh T không có trách nhiệm gì; mặt khác cháu P còn rất nhỏ mới được 2 tuổi nên rất cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Xét lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, xét yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình, xử giao con chung cho chị T nuôi. Chị T có khả năng về kinh tế để nuôi con, nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng, do đó Tòa không xét.

-*Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa cũng không xem xét.

[4].*Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, 35, 147 k4, 227 k1, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự.

- Căn cứ Điều 51 khoản 1, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự.

1/ Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và cho chị T và anh Nguyễn Quang T được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Xử giao con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 24/9/2018 cho chị T nuôi. Chị T có khả năng nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ tại biên lai số AA/2016/0018418 ngày 29/6/2020 của chi cục Thi hành án dân sự TP. Bảo Lộc. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã, phường nơi người đó cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trở lại hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.B;
- THA Tp.Bc;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa**

Nguyễn Viết Xuân

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS Tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Bảo Lộc;
- THA TP. Bảo Lộc;
- UBND phường 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Xuân

